

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship G8

Organizer(s) : Chinese Chess Association
 Tournament Director : Sainbayar Tserendorj 4901614
 Chief Arbiter : KK Chan 6000991
 Deputy Chief Arbiter : IA Ang, Li 8606870, IALiang Zhihua 8600562
 Arbiter : FA Wang, Xinyue 8603960; FA Lai, Robin 6000436; FA Chuah, Jin Ha
 Town : Yangjing Juyuan Experimental School, Shanghai, China
 Rating-Ø : 1017
 Date : 2018/08/02 To 2018/08/09

Round 4 on 2018/08/04 at 15:00

Bo.	SNo.	Name	Pts	Res.	Pts	Name	SNo.
1	12	Zhao Yunqing	3	1:0	3	Enkhuyanga Gantsolmon	1
2	4	Enerel Burentsogt	2	1:0	2	Zeng Yuxin	11
3	6	Guo Shiran	2	1:0	1½	Cai Hanqiu	2
4	3	Chen Yufei	1	0:1	1½	Liu Tian Yi	8
5	9	Xie Chunqing	1	0:1	1	Xue Tianhao	10
6	7	Gurvanbaatar Urangoo	0	1:0	0	Erkhsaran Bayartnar	5

Program **Swiss-Manager** developed and copyright © by DI.Heinz Herzog, 1230 Vienna Joh.Teufelg.39-47/7/9,
 Mail:h.herzog@swiss-manager.at.homepage <http://swiss-manager.at>, User:Chinesechessassociation, 2018/07/29
 Details on this tournament can be found on <http://chess-results.com>

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.08.04 轮次 Round: 4 台次 Board: 1
 白方 White 赵芸卿 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0
 黑方 Black Enkh-Uyaga 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 1199

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	KF3	KF6
2	g3	g6
3	cg2	g5
4	0-0	cg7
5	d4	0-0
6	c4	e6
7	cd	ed
8	Kc3	e6
9	Cf4	Cf5
10	Qb3	Qc8
11	Ke5	kb7
12	Lacl	Kb6
13	a4	Ke4
14	a5	Kc4
15	Ke4	Ce4
16	Kc4	dc
17	Qc4	cg2
18	KPg2	Qd7
19	Lfd1	Lad8
20		Ce3-Qd5
21	Qd5	Ld5
22	B4	Lfd8
23	Lc4	Cf8
24	KPF3	Lf5
25	KPg2	a6
26	Lb1	cd6
27	h4	Cc4
28	cg5	F6
29	e4	Lb5
30	Cf6	Ld7

	White	Black
31	Ld1	cd8
32	cd8	ld8
33	Lf8	
34	KPe3	g5
35	hg	Lg5
36	Lh3	h5
37	F4	Lg7
38	Lc5	Lf6
39	Ld5	Lfg6
40	KPF3	Ld6
41	d5	cd
42	ed	KPF7
43	Lf5	KPe7
44	g4	B6
45	g5	ab
46	ab	Ldgb
47	KPe4	Ld6
48	Le5	KPd7
49	Lb3	KPe7
50	Le6	Le6
51	de	Le7
52	KPe5	Lg7
53	Lb6	Le7
54	F5	Lg7
55	Lg8	e7
56	Le8	F6
57	Lp7	F6
58	KPd7	g7
59	KPe7	g8
60	KPd7	Qe6

	White	Black
61	KPg8	Lb8
62	KPe7	Qd6
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 赵芸卿	黑方 Black Enkh-Uyaga
裁判 Arbiter 刘小华	



第4轮, 第1台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship

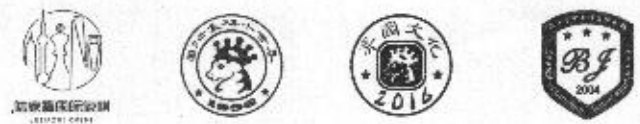


日期 Date: 2018.8.4 轮次 Round: 4 台次 Board: 1
 白方 White 赵芸卿 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0
 黑方 Black Enkh-Uyaga 国籍 Federation 蒙古国 等级分 Rating 1199
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
G8女子

	White	Black		White	Black		White	Black
1	Nf3	Nf6	31	Rh1	Bd8	61	Qc6	Kc8
2	g3	g6	32	Bd8	Rd8	62	Rb8	Kc7
3	Bd2	d5	33	Kf3	Rf8	63	Qd6#	
4	O-O	Bd7	34	Ke3	Q5	64		
5	d4	O-O	35	h9	Rc5	65		
6	c4	e6	36	Rh3	h5	66		
7	cd	cd	37	fx4	Rd7	67		
8	Nc3	c6	38	Rcb	Rf6	68		
9	Bf4	Bf5	39	Rch5	Rc6	69		
10	Qb3	Qc8	40	Kf3	Rd6	70		
11	Ne5	Nbd7	41	d5	cd	71		
12	Rac1	Nb6	42	ed	Kf7	72		
13	att	Nc4	43	Rf5	Ke7	73		
14	Qb5	Nc4	44	Q4	b6	74		
15	Ne4	Be4	45	Q5	ba	75		
16	Nc4	dc	46	ba	Rc6	76		
17	Qc4	Bc2	47	Ke4	Rd6	77		
18	Ke2	Qd7	48	Re5	Kd7	78		
19	Rcd1	Rcd6	49	Rb3	Ke7	79		
20	Be3	Qd5	50	Re6	Rc6	80		
21	Qd5	Rd5	51	Qc	Re7			
22	b4	Rf8	52	Ke5	Rd7			
23	Rc4	Bf8	53	Rb6	Re7			
24	Kf3	Rf5	54	f5	Rd7			
25	Ke2	Q6	55	Q6	Rc6			
26	Rb1	Bd6	56	e7	Rc8			
27	h4	Bc7	57	f6	Re7			
28	Bb5	f6	58	fe	Kd7			
29	Q4	Rb5	59	Q7	Ke7			
30	Bf6	Rd7	60	Q8=Q	Kd7			

签名 Signature:
 白方 White 赵芸卿 黑方 Black Enkh-Uyaga
 裁判 Arbiter 刘艾伦



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.4 轮次 Round: 4 台次 Board: 2
 白方 White Enepel 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 0
 黑方 Black 曾山 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	d4	exd4
4	Bc4	Bc5
5	Ng5	Nh6
6	Nxf7	Nxf7
7	Bxf7+	Kxf7
8	Qh5+	Kg98
9	Qxc5	d6
10	Qd5+	Kf8
11	Bf4	Nb4
12	Na3	Nxd5
13	exd5	Qe7
14	Kd2	Bf5
15	Rhe1	Qh4
16	g3	Qxh2
17	Re2	Bg4
18	f3	Qh5
19	fxg4	Qxg4
20	Rae1	h5
21	Nb5	C5
22	Nxd6	Qd7
23	Bg5	g6
24	Bf6	Rh7
25	Rh	Kg8
26	Be5	h4
27	Ref2	hxg3
28	Bg3	Rh3
29	Ne4	Qg4
30	Nf6+	Kg7

	White	Black
31	Nxg4	Rxg3
32	Rf7	Kh8
33	Rh4	Kg8
34	Nh6+	Kh8
35	Nf5+	Kg8
36	Rg7+	Kf8
37	Rh8#	
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White Enepel	黑方 Black 曾山
裁判 Arbiter 刘自	



第4轮, 第2台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.7.4 轮次 Round: 4 台次 Board: 2
 白方 White Enrei 国籍 Federation Mongolia 等级分 Rating 0
 黑方 Black 曹峪欣 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

组别 Group
B8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

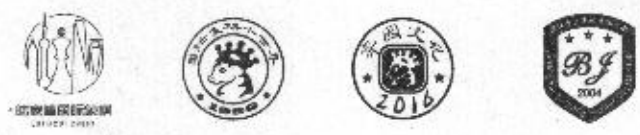
	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	d4	b5 ed
4	Bc4 Bc4	Nf5 Bc5
5	Ng5	Nh6
6	Nf7	Nf7
7	Bf7	Kf7
8	Qd5	kg8
9	Qc5	d6
10	Qb5	Kh8
11	Bf4	Nd6
12	Nd3	Nd5
13	ed	Qe7
14	Kd2	b5
15	Rh1	g3
16	Qh2	Re2
17	Bg4	f3
18	Qh5	fg
19	Qg5	Ra1
20	b5	Nb5
21	o5	Nb6
22	Q -	Qd7
23	Qb5	g6
24	Bf6	Rh7
25	Rf1	B Kg8
26	Qb5	h4
27	Re2	hg
28	Bg3	Rh3
29	Ne4	Qg4
30	Nf6	kg7

	White	Black
31	Ng4	Rg3
32	Rf7	Kh8
33	Rh1	kg8
34	Nh6	Kh8
35	Nf5	kg8
36	kg7	Kh8
37	Rh6	
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black
裁判 Arbiter 	



第4轮, 第3台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.4 轮次 Round: 4 台次 Board: 3
 白方 White: 郭诗然 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: 蔡逸秋 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group: G8女F

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31	Bf8	Bf8	61		
2	c4	dc	32	Nc4	Nbd7	62		
3	Nc3	g6	33	cNe5	Ne5	63		
4	e4	Bg7	34	Ne5	Qe5	64		
5	d5	e5	35	Rc6	Qg1	65		
6	Bc4	Nf6	36	Qc1	Qd4	66		
7	Nf3	fNd7	37	Kh1	Nh7	67		
8	Be3	b6	38	Rab	Qt2	68		
9	o-o	Bb7	39	Bc4	Ng3	69		
10	Qd2	Nab6	40	Kh2	Nh5	70		
11	a3	o-o	41	Qf1	Qg3	71		
12	Qe2	Qnb8	42	Kh1	Bd6	72		
13	Rfd1	Nf6	43	Qg1	Qe5	73		
14	h3	Nbd7	44	g4	Ng3	74		
15	b4	Qe7	45	Kg2	ab2	75		
16	Qd2	Rac8	46	Qt2	Qe5	76		
17	Bg5	Qe8	47	Rdb	Qdb	77		
18	Ne1	Rb8	48	Qg3	Qd2	78		
19	f3	Rc8	49	Qf2		79		
20	QRc1	ab	50	h0		80		
21	Bb3	Rb8	51					
22	Rc2	Rc8	52					
23	Rdc1	Qe7	53					
24	Nat	Nb8	54					
25	Nd3	cb	55					
26	dc	Rcb	56					
27	Rcb	Bcb	57					
28	Nbb	Qa7	58					
29	Be3	Qe7	59					
30	Bc5	Qe8	60					

签名 Signature:

白方 White <u>郭诗然</u>	黑方 Black <u>蔡逸秋</u>
裁判 Arbiter <u>刘自茹</u>	



第4轮, 第3台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.14 轮次 Round: 4 台次 Board: 3

白方 White 郭诗然 国籍 Federation 中国 等级分 Rating _____

黑方 Black 蔡泓毅 国籍 Federation 中国 等级分 Rating _____

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	cd
3	nc3	g6
4	e4	g9?
5	d5	e5
6	bc4	Nf6
7	Nf3	Nd7
8	Be3	b6
9	O-O	b6?
10	Qd7	Na6
11	d3	o-o
12	Qe7	Nb8
13	Rd1	Nf6
14	h3	Nbd7
15	b4	Qe7
16	Qd2	Rc8
17	Ng5	Qe8
18	Ne1	Rb8
19	f3	Rc8
20	Rac1	g6
21	Bb3	Rb8
22	Rc2	Rc8
23	Rd1	Qe7
24	Na4	Nb8
25	Nd3	Q6
26	d6	Rc6
27	Rc6	Rc6
28	Nb6	Qa7
29	Be3	Qd7
30	Bc5	Qc8

	White	Black
31	Bf8	Bf8
32	Nc4	Nd7
33	Nc5	Nc5
34	Ne5	Qe5
35	Rc6	Qa1
36	Qd1	Qd4
37	Kh1	Nh5
38	Rc6	Qf2
39	Rc4	Ng3
40	Rh2	Nf5
41	Qf1	Qf3
42	Kh1	Rd6
43	Qg1	Qe5
44	g4	Ng3
45	Kg2	Qb2
46	Qf2	Qe5
47	Rd6	Qd6
48	Qg3	Qd2
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
郭诗然	蔡泓毅
裁判 Arbiter 刘白茹	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8/4/2018 轮次 Round: 4 台次 Board: 4
 白方 White: yufei 国籍 Federation: USA 等级分 Rating: 98
 黑方 Black: Liu Tianyi 国籍 Federation: China 等级分 Rating: 98

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e6
2	d4	d5
3	exd5	exd5
4	h3	ca6
5	Nf3	Nf6
6	a3	Bf5
7	Nc3	ha6
8	Be3	Nh7
9	Bd3	Bg6
10	0-0	Bxd3
11	Qxd3	0-0
12	Nh2	Re8
13	Rae1	Ne4
14	Nxe4	Rxe4
15	Ba2	Nf6
16	f3	Bxe1
17	Kxe1	ba3
18	Rf1	Qd6
19	g4	Nf8
20	Qa1	Bxf4
21	Nf3	Ke8
22	Na2	Nxd2
23	Bxd2	Bxd2
24	Qxd2	f6
25	Qf4	Qxf4
26	Rxf4	Re2
27	Rf2	Rxf2
28	Kxf2	Kf7
29	Ke3	Ke6
30	g4	g5

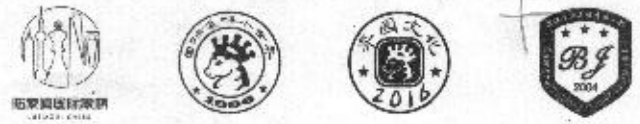
	White	Black
31	b3	b6
32	c4	h4
33	h3	a6
34	a4	a5
35	Kc3	c6
36	Kd3	a6
37	Ke3	axf4
38	exf4	cd4
39	Kxd4	Kc6
40	Kc3	Kg5
41	Td3	Th4
42	Tf4	Kxg4
43	f5	Kh4
44	xf6	a4
45	g6	a3
46	fxh6	a2
47	fxg5	af3
48	h4	Qg7
49	Kh5	fxg4
50	g5	g4
51	g6	b4
52	Kg5	b3
53	h3	b3
54	h6	Qd8
55	h7	Qd7
56	Kh5	h-e
57	Kg5	Qxg6
58	Kf4	Qg4
59	Ke3	g4
60	Kf3	Qf7

	White	Black
61	Ke7	Qd7
62	Kf3	Qd6
63	Kg4	Qd7
64	Kh5	Kh6
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>陈雨菲</u>	黑方 Black <u>Liu Tianyi</u>
------------------------	-------------------------------

裁判 Arbiter
刘自茹



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8.4 轮次 Round: 4 台次 Board: 4
 白方 White: yun fei 国籍 Federation: SGP 等级分 Rating: 0
 黑方 Black: Liu Tianyi 国籍 Federation: china 等级分 Rating: 0
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2 组别 Group: G8

	White	Black
1	e4	e6
2	d4	d5
3	ed	ed
4	h3	c6
5	Nf3	Nf6
6	a3	Bf5
7	Nc3	Bd6
8	Be3	Nbd7
9	Bd3	Bg6
10	O-O	Bd3
11	Qd3	O-O
12	Nh2	Re8
13	Rae1	Ne4
14	Ne4	Re4
15	Bd2	Nf6
16	f3	Re1
17	Re1	Bg3
18	Rf1	Qd6
19	f4	Ne4
20	Be1	Bf4
21	Nf3	Re8
22	Nd2	Nd2
23	Bd2	Bd2
24	Qd2	f6
25	Qf4	Qf4
26	Rf4	Re2
27	Rf2	Rf2
28	Kf2	Kf2
29	Ke3	Ke6
30	g4	g5

	White	Black
31	b3	b6
32	04	Kd6
33	Kd3	a6
34	a4	a5
35	Kc3	Ke3 c5
36	Ke3 Kd3	Ke3 h6
37	Ke3 de	Ke3 de
38	Ke3 Kc3	Ke3 Kc3
39	Ke3 Kd4	Ke3 Kc6
40	Ke3 Kc3	Ke3 Kc5
41	Kd3	Kb4
42	Ke4	Ka4
43	Kf5	Kb4
44	Kf6	a4
45	Kg6	a3
46	Kh6	a2
47	Kg5	a1=Q
48	h4	Qg7
49	Kh5	Kc2
50	g5	b5
51	g6	b4
52	Kg5	b3
53	h5	b2
54	h6	Qg8
55	h7	Qg7
56	Kh5	b1=Q
57	Kg5	Qg6
58	Kf4	Qg4
59	Ke3	Qd4
60	Kf3	Qf7

	White	Black
61	Ke2	Qe7
62	Kf3	Qf6
63	Kg4	Qg7
64	Kh5	Qh6#
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>陈雨菲</u>	黑方 Black <u>Liu Tianyi</u>
------------------------	-------------------------------

裁判 Arbiter

刘天翼



第4轮, 第5台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.4 轮次 Round: 4 台次 Board: 5
 白方 White 解淳清 国籍 Federation 中国 等级分 Rating _____
 黑方 Black 薛添好 国籍 Federation 中国 等级分 Rating _____
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

组别 Group
G8

	White	Black
1	e4	a5
2	o3	g6
3	Nf3	Bg7
4	Bc4	db
5	d3	Ne6
6	Nh4	o0
7	o0	Nc6
8	Bg5	bd7
9	Qd2	Rc8
10	b3	a-b0
11	ab2	R+08
12	Re1	a b
13	Bf6	Bf6
14	N-R3	a5
15	Nbd2	a4
16	Qc2	q3
17	Bol5	Rc7
18	Nc4	o0
19	e5	de5
20	Nf5	Ne5
21	Ne5	Qa5
22	Bf7	Kf8
23	Bf8	Bf8
24	Qb1	Bb5
25	KR1	b6
26	Nc4	Qc3
27	Qe2	Rb7
28	Recl	Qd4
29	Qf3	Rb8
30	Re1	Rd8

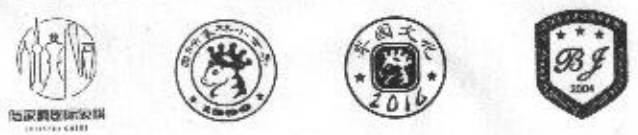
	White	Black
31	Qef	Qd3
32	Qd3	Rd3
33	Nb0	Rd6
34	Nc4	Rd4
35	Rbc1	Bg5
36	Rcd1	Bc4
37	bc4	Rc4
38	Rd8	Kf7
39	Rc5	Bf4
40	Reds	re2
41	Rd8	h5
42	Rd7	Ke6
43	Rdds	Qa2
44	Rg8	Ra1
45	ke2	Rb1
46	Rgt	Ke5
47	Rg8	Bc1
48	Rg8	eb2
49	wd3	Rf2
50	Rcb	Kd5
51	Rd8	Ke5
52	Kc5	Bg2
53	Rd5	Ke4
54	Reb	Kf4
55	Kc5	a2
56	Rb6	Rh2
57	Rd7	e5
58	Rf7	Kg4
59	Rg4	gf
60	Kd5	h4

	White	Black
61	Rc7	e4
62	Rc1	Bc1
63	Re4	Kf3
64	Qg4	Re2
65	Kd4	Bb2
66	Kd5	a1 = e
67	Ra1	Ba1
68	Ke6	h3
69	Kd5	h2
70	Ke6	h1 = e
71	Kd7	ad1
72	Ke6	Rc1
73	Kf7	Qd7
74	Kg8	Rc8
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 解淳清	黑方 Black 薛添好
-----------------	-----------------

裁判 Arbiter
刘凤



第4轮, 第6台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8.3 轮次 Round: 4 台次 Board: 6
 白方 White URANGOO 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 0
 黑方 Black ERKHSARAN 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 0

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31			61		
2	MF3	MC6	32			62		
3	TC4	TC5	33			63		
4	C3	MF6	34			64		
5	d4	MF4	35			65		
6	d6	d5	36			66		
7	Q	Cd	37			67		
8	b15	MF6	38			68		
9			39			69		
10			40			70		
11			41			71		
12			42			72		
13			43			73		
14			44			74		
15			45			75		
16			46			76		
17			47			77		
18			48			78		
19			49			79		
20			50			80		
21			51			签名 Signature:		
22			52			白方 White	黑方 Black	
23			53			URANGOO	3106	
24			54			裁判 Arbiter		
25			55			刘自如		
26			56					
27			57					
28			58					
29			59					
30			60					



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



第4轮, 第6台

日期 Date: 2018.08.04 轮次 Round: 4 台次 Board: 6
 白方 White: Urangoo 国籍 Federation: MGL 等级分 Rating: 0
 黑方 Black: Erksaran 国籍 Federation: MGL 等级分 Rating: 0

组别 Group
68

Erksaran 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	—	—	31			61		
2	—	—	32			62		
3	—	—	33			63		
4	—	—	34			64		
5	—	—	35			65		
6	—	—	36			66		
7	—	—	37			67		
8	—	—	38			68		
9	—	—	39			69		
10			40			70		
11			41			71		
12			42			72		
13			43			73		
14			44			74		
15			45			75		
16			46			76		
17			47			77		
18			48			78		
19			49			79		
20			50			80		
21			51					
22			52					
23			53					
24			54					
25			55					
26			56					
27			57					
28			58					
29			59					
30			60					

签名 Signature:

白方 White <u>URANGOO</u>	黑方 Black <u>ERKSARAN</u>
裁判 Arbiter <u>刘白茹</u>	

